

THÔNG BÁO
Tuyển sinh đào tạo trình độ tiến sĩ năm 2021, đợt II

Viện Khoa học Nông nghiệp Việt Nam điều chỉnh thông báo tuyển sinh đào tạo trình độ tiến sĩ năm 2021 đợt II như sau:

1. Chỉ tiêu tuyển sinh: 10 chỉ tiêu cho các chuyên ngành.

2. Chuyên ngành đào tạo và mã số

TT	Chuyên ngành đào tạo	Mã số
2.1. Đào tạo trình độ tiến sĩ theo Thông tư 18/2021/TT-BGDĐT ngày 28/6/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo (Gồm 05 chuyên ngành)		
1	Bảo vệ thực vật	9620112
2	Công nghệ sinh học	9420201
3	Di truyền và Chọn giống cây trồng	9620111
4	Khoa học cây trồng	9620110
5	Khoa học đất	9620103
2.2. Đào tạo theo Đề án 89 (Gồm 04 chuyên ngành) (Căn cứ Quyết định 89/QĐ-TTg ngày 18/01/2019 của Thủ tướng chính phủ; Thông tư 25/2021/TT-BGDĐT ngày 08/9/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo; Quyết định số 2914/QĐ-BGDĐT ngày 17/9/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo)		
1	Công nghệ sinh học	9420201
2	Di truyền và Chọn giống cây trồng	9620111
3	Khoa học cây trồng	9620110
4	Khoa học đất	9620103

3. Thời gian đào tạo và phương thức tuyển sinh:

3.1 Thời gian đào tạo: Từ 3 đến 4 năm

3.2. Phương thức tuyển sinh: Xét tuyển

4. Học phí: 16.500.000đ/năm (Áp dụng tại thời điểm xét tuyển theo QĐ số 1119/QĐ-KHNN-TC ngày 14/12/2020); Cơ sở đào tạo không thu phí quản lý đào tạo khác.

5. Điều kiện dự tuyển:

5.1. Người dự tuyển trình độ tiến sĩ theo Thông tư 18/2021/TT-BGDĐT ngày 28/6/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo:

5.1.1. Đã tốt nghiệp thạc sĩ hoặc tốt nghiệp đại học hạng giỏi trở lên ngành phù hợp;

5.1.2. Có kinh nghiệm nghiên cứu thể hiện qua luận văn thạc sĩ của chương trình đào tạo định hướng nghiên cứu; hoặc bài báo, báo cáo khoa học đã công bố; hoặc có thời gian công tác từ 02 năm (24 tháng) trở lên là giảng viên, nghiên cứu viên của các cơ sở đào tạo, tổ chức khoa học và công nghệ;

5.1.3. Người dự tuyển là công dân Việt Nam phải có một trong những văn bằng, chứng chỉ ngoại ngữ như sau:

5.1.3.1. Bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên do một cơ sở đào tạo nước ngoài, phân hiệu của cơ sở đào tạo nước ngoài ở Việt Nam hoặc cơ sở đào tạo của Việt Nam cấp cho người học toàn thời gian bằng tiếng nước ngoài

5.1.3.2. Bằng tốt nghiệp trình độ đại học ngành ngôn ngữ tiếng nước ngoài do các cơ sở đào tạo của Việt Nam cấp

5.1.3.3. Có một trong các chứng chỉ ngoại ngữ quy định tại Thông tư 18/2021/TT-BGDĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ tiến sĩ (*Phụ lục I đính kèm*) do một tổ chức khảo thí được quốc tế và Việt Nam công nhận cấp trong thời hạn 02 năm (24 tháng) tính đến ngày đăng ký dự tuyển;

5.1.3.4. Người dự tuyển có ngôn ngữ sử dụng trong đào tạo đại học, thạc sĩ hoặc có bằng tốt nghiệp đại học ngành ngôn ngữ hoặc chứng chỉ tiếng nước ngoài khác tiếng Anh ở trình độ tương đương (*Phụ lục I đính kèm*) thì phải có khả năng giao tiếp bằng tiếng Anh trong chuyên môn;

5.1.4. Người dự tuyển là công dân nước ngoài nếu đăng ký theo học chương trình đào tạo bằng tiếng Việt phải có chứng chỉ tiếng Việt tối thiểu từ bậc 4 trở lên theo Khung năng lực tiếng Việt dùng cho người nước ngoài và có khả năng giao tiếp tiếng Anh chuyên môn.

5.2. Người dự tuyển trình độ tiến sĩ theo Đề án 89

Người dự tuyển đào tạo trình độ tiến sĩ theo Đề án 89 được hưởng quyền lợi, thực hiện nghĩa vụ theo qui định tại Thông tư 25/2021/TT-BGDĐT ngày 08/9/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Ngoài các điều kiện dự tuyển theo mục 5.1 cần đáp ứng các điều kiện sau:

5.2.1. Là công dân Việt Nam, tuổi không quá 40 tính đến năm dự tuyển, không trong thời gian xem xét, thi hành kỷ luật từ cảnh cáo trở lên, không thuộc trường hợp chưa được xuất, nhập cảnh theo qui định của pháp luật khi tham gia tuyển chọn đi học tại nước ngoài.

5.2.2. Tham gia tuyển chọn hoặc đang theo học chương trình đào tạo tiến sĩ lần đầu tiên

5.2.3. Giảng viên cơ hữu đã đáp ứng điều kiện tuyển sinh của chương trình đào tạo, được Viện dự kiến tiếp nhận học chính thức trong năm đăng ký hoặc năm kế tiếp liền kề hoặc giảng viên nguồn, giảng viên cơ hữu đang theo học phải còn thời gian học tập, nghiên cứu ít nhất 18 tháng tính đến thời điểm tham gia tuyển chọn

5.2.4. Chưa nhận hoặc chưa cam kết nhận học bổng toàn phần từ nhân sách Nhà nước hoặc từ các nguồn kinh phí khác cho học tập nghiên cứu trình độ tiến sĩ tính đến thời điểm được tuyển chọn.

6. Hồ sơ dự tuyển: Nộp 02 bộ, gồm có những mục sau

6.1. Đơn đăng ký dự tuyển (*Mẫu*)

6.2. Lý lịch khoa học có xác nhận của cơ quan hoặc chính quyền địa phương không trong thời gian xem xét, thi hành kỷ luật từ cảnh cáo trở lên (*Mẫu*)

6.3. Bản sao công chứng bằng, bằng điểm đại học; bằng, bằng điểm thạc sĩ (nếu văn bằng học ở nước ngoài thì phải có chứng nhận của Cục Khảo thí và kiểm định chất lượng giáo dục của Bộ Giáo dục và Đào tạo)

6.4. Minh chứng kinh nghiệm nghiên cứu khoa học và thâm niên công tác (nếu có)

6.5. Bài luận dự định và đề cương nghiên cứu.

6.6. Thư giới thiệu của 2 nhà khoa học có trình độ chuyên môn từ tiến sĩ trở lên hoặc của Thủ trưởng đơn vị công tác nhận xét đánh giá về phẩm chất nghề nghiệp, năng lực chuyên môn và khả năng thực hiện nghiên cứu của người dự tuyển.

- 6.7. Công văn giới thiệu cử đi dự tuyển của cơ quan công tác (nếu có).
6.8. Giấy chứng nhận đủ sức khỏe để học tập của bệnh viện đa khoa.
6.9. Bản sao công chứng văn bằng, chứng chỉ ngoại ngữ
6.10. Cam kết thực hiện nghĩa vụ tài chính trong quá trình đào tạo (Mẫu)

7. Địa điểm và thời hạn nộp hồ sơ:

7.1. Địa điểm nộp hồ sơ: tại 3 cơ sở của Viện

7.1.1. Ban Thông tin và Đào tạo, Viện Khoa học Nông nghiệp Việt Nam
Địa chỉ: Vĩnh Quỳnh, Thanh Trì, Hà Nội; Điện thoại: 024.38614326; 0904177888
Email: huehuongdtsdh@gmail.com

7.1.2. Phòng Khoa học và HTQT, Viện Khoa học Kỹ thuật Nông nghiệp miền Nam,
Địa chỉ: số 121 Nguyễn Bình Khiêm, phường ĐaKao, quận I, Tp Hồ Chí Minh,
Điện thoại: 038.38228371. Email: ias.vaas@mard.gov.vn

7.1.3. Phòng Quản lý Khoa học và HTQT, Viện Lúa Đồng bằng sông Cửu Long
Địa chỉ: xã Tân Thạnh, huyện Thới Lai, thành phố Cần Thơ,
Điện thoại: 0710.3862972 Email: clrri.vaas@mard.gov.vn

5.2. Thời hạn nộp hồ sơ: Trước ngày 30/10/2021

8. Địa điểm và thời gian xét tuyển:

8.1. Địa điểm xét tuyển: tại 3 cơ sở của Viện Khoa học Nông nghiệp Việt Nam

8.1.1. Viện Khoa học Nông nghiệp Việt Nam, Vĩnh Quỳnh, Thanh Trì, Hà Nội.

8.1.2. Viện Khoa học Kỹ thuật Nông nghiệp miền Nam, số 121 Nguyễn Bình Khiêm, phường ĐaKao, Quận I, thành phố Hồ Chí Minh.

8.1.3. Viện Lúa đồng bằng sông Cửu Long, xã Tân Thạnh, huyện Thới Lai, thành phố Cần Thơ.

8.2. Thời gian xét tuyển: Dự kiến từ 05- 20/11/2021. (Lịch cụ thể của từng tiểu ban chuyên môn sẽ thông báo tới người dự tuyển và trên Website của Viện).

9. Thời hạn công bố kết quả trúng tuyển và làm thủ tục nhập học:

9.1. Thời gian công bố kết quả trúng tuyển: Dự kiến ngày 30/11/2021.

9.2. Thời gian làm thủ tục nhập học: Dự kiến từ 05-10/12/2021

Mọi chi tiết liên hệ: Ban Thông tin và Đào tạo, Viện Khoa học Nông nghiệp Việt Nam;

Địa chỉ: Vĩnh Quỳnh, Thanh Trì, Hà Nội;

Điện thoại: (024)36490491; 0904177888;

Email: sdhvaas@gmail.com; daotao@vaas.vn; Website: <http://www.vaas.vn>.

Nơi nhận:

- Bộ GD&ĐT (để b/c);
- Bộ NN&PTNT (để b/c);
- Các đơn vị có nhu cầu đào tạo;
- Giám đốc (để b/c);
- Website
- Lưu VT, TTĐT.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Đào Thế Anh

PHỤ LỤC 1: BẢNG THAM CHIẾU CÁC CHỨNG CHỈ TIẾNG NƯỚC NGOÀI

Stt	Ngôn ngữ	Bảng/Chứng chỉ/Chứng nhận	Trình độ/Thang điểm
1	Tiếng Anh	TOEFL iBT	Từ 46 trở lên
		IELTS	Từ 5.5 trở lên
		Cambridge Assessment English	B2 First/B2 Business Vantage/Linguaskill Thang điểm: từ 160 trở lên
2	Tiếng Pháp	CIEP/Alliance française diplomas	TCF từ 400 trở lên DELF B2 trở lên Diplôme de Langue
3	Tiếng Đức	Goethe -Institut	Goethe- Zertifikat B2 trở lên
		The German TestDaF language certificate	TestDaF level 4 (TDN 4) trở lên
4	Tiếng Trung Quốc	Chinese Hanyu Shuiping Kaoshi (HSK)	HSK level 4 trở lên
5	Tiếng Nhật	Japanese Language Proficiency Test (JLPT)	N3 trở lên
6	Tiếng Nga	ТРКИ - Тест по русскому языку как иностранному (TORFL - Test of Russian as a Foreign Language)	ТРКИ-2 trở lên
7	Các ngôn ngữ tiếng nước ngoài khác	Chứng chỉ đánh giá theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam	Từ bậc 4 trở lên

PHỤ LỤC 2: DANH MỤC CHƯƠNG TRÌNH/ ĐỀ TÀI NGHIÊN CỨU KHOA HỌC CÁC CẤP, DỰ ÁN HỢP TÁC QUỐC TẾ CỦA VIỆN

TT	Tên nhiệm vụ khoa học công nghệ	Cá nhân chủ trì	Thời gian thực hiện
I	NGHỊ ĐỊNH THƯ		
	<i>Viện Bảo vệ thực vật</i>		
1	Nghiên cứu tác động của một số hợp chất sinh học tự nhiên thu nhận từ vi khuẩn đối kháng và vi khuẩn nội sinh để sản xuất chế phẩm sinh học có hiệu lực cao trong phòng trừ bệnh hại trên cây cà phê và hồ tiêu ở Việt Nam. Mã số: NĐT.40.GER/18	TS. Lê Thị Thanh Tâm	2018-2022
	<i>Viện Thổ nhưỡng Nông hóa</i>		
2	Hợp tác nghiên cứu và hoàn thiện công nghệ vi sinh vật phục vụ sản xuất nông nghiệp cho các tỉnh Sayaboury, Luang Namtha và Bokeo, Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào	TS. Lê Như Kiểu	2019-2022

<i>Trung tâm Tài nguyên thực vật</i>			
3	Xác định kiểu gen, biểu hiện gen & tương tác với môi trường của các gen liên quan đến tổng hợp & tích lũy Anthocyanin để hỗ trợ công tác chọn giống hiệu quả & sản xuất bền vững lúa gạo màu giá trị cao cho Việt Nam & Úc	TS. Phạm Hùng Cường	2020-2023
II ĐỀ TÀI NGHIÊN CỨU KHOA HỌC CÔNG NGHỆ CẤP BỘ			
<i>Viện Khoa học Nông nghiệp Việt Nam</i>			
4	Nghiên cứu chuyển đổi cơ cấu cây trồng vùng đồng bằng sông Hồng phục vụ tái cơ cấu nông nghiệp bền vững		2021-2023
<i>Viện Cây lương thực và Cây thực phẩm</i>			
5	Nghiên cứu chọn tạo giống khoai tây năng suất cao, chất lượng tốt, chống chịu một số bệnh hại chính phục vụ cho công nghiệp chế biến chips ở Việt Nam		2021-2025
6	Nghiên cứu chọn tạo giống lạc chịu hạn, kháng bệnh héo xanh cho các tỉnh miền Trung		2021-2025
7	Nghiên cứu chọn tạo giống dong riềng, khoai lang, khoai sọ năng suất cao, chất lượng tốt, chống chịu một số sâu bệnh hại chính cho các tỉnh phía Bắc	TS. Trịnh Văn My	2018-2022
8	Nghiên cứu chọn, tạo giống rau họ bầu bí (bí xanh, bí đỏ và dưa lê) ngăn ngày, chịu nóng, kháng bệnh phấn trắng	TS. Đoàn Xuân Cảnh	2019-2023
9	Nghiên cứu chọn, tạo và phát triển giống lúa phù hợp cho chế biến bún, mỳ khô, bánh tại các tỉnh phía Bắc	TS. Nguyễn Trọng Khanh	2019-2023
10	Nghiên cứu chọn, tạo và phát triển giống lúa lai ngăn ngày, năng suất cao, chất lượng tốt phục vụ nội tiêu và xuất khẩu cho các tỉnh phía Bắc		2021-2025
11	Nghiên cứu lai tạo và phát triển giống lúa nếp ngăn ngày cho các tỉnh phía Bắc		2021-2025
12	Nghiên cứu cải tiến tính kháng bệnh bạc lá cho giống lúa HT1 phục vụ cho sản xuất ở các tỉnh phía Bắc	TS. Phạm Thiên Thành	2020-2024
<i>Viện Nghiên cứu Rau quả</i>			
14	Nghiên cứu chọn, tạo giống na và biện pháp kỹ thuật canh tác nâng cao năng suất và chất lượng cho các vùng trồng na chính	TS. Nguyễn Thị Tuyết	2019-2023
<i>Viện Nghiên cứu Ngô</i>			
15	Nghiên cứu chọn tạo giống ngô sinh khối có hàm lượng protein cao phục vụ chăn nuôi gia súc		2021-2025
16	Nghiên cứu chọn, tạo giống ngô phục vụ xuất khẩu và sản xuất trong nước	TS. Bùi Mạnh Cường	2019-2023
<i>Viện Bảo vệ thực vật</i>			
17	Nghiên cứu ứng dụng polyme sinh học phát triển thuốc bảo vệ thực vật sinh học phục vụ sản xuất nông nghiệp hữu cơ	TS. Đào Bách Khoa	2020-2022

18	Nghiên cứu biện pháp phòng chống rệp sáp giả (Pseudococcidae) gây hại một số loại cây ăn quả quan trọng theo hướng sinh học	TS. Đào Thị Hằng	2020-2022
19	Nghiên cứu ứng dụng polyme sinh học phát triển thuốc bảo vệ thực vật sinh học phục vụ sản xuất nông nghiệp hữu cơ	TS. Đào Bách Khoa	2020-2022
<i>Viện Nghiên cứu Mía đường</i>			
20	Nghiên cứu chọn tạo giống mía và biện pháp kỹ thuật canh tác cho một số vùng trồng mía chính.	TS. Cao Anh Dương	2018-2022
21	Nghiên cứu tạo nguồn vật liệu mới (dòng mía) phục vụ tuyển chọn giống mía mới chịu hạn		2021-2025
<i>Viện Khoa học kỹ thuật Nông lâm nghiệp miền núi phía Bắc</i>			
22	Nghiên cứu sử dụng phụ gia thực phẩm trong sản xuất chè nhằm nâng cao chất lượng, giá trị sản phẩm chè Việt Nam, phục vụ nội tiêu và xuất khẩu		2021-2023
23	Nghiên cứu chọn tạo giống chè có năng suất, chất lượng cao cho sản xuất chè đen phục vụ nội tiêu và xuất khẩu	TS. Nguyễn Thị Hồng Lam	2019-2023
<i>Viện Khoa học kỹ thuật Nông nghiệp duyên hải Nam Trung bộ</i>			
24	Nghiên cứu chọn tạo giống đậu xanh và vùng năng suất cao cho các tỉnh phía Nam	TS. Hồ Huy Cường	2018-2022
25	Nghiên cứu chọn, tạo giống lúa ngắn ngày cho vùng Duyên hải Nam trung Bộ và Tây Nguyên	Hồ Sỹ Công	2019-2023
26	Đánh giá khả năng sinh trưởng phát triển của một số giống và nghiên cứu xây dựng biện pháp kỹ thuật canh tác cho giống dừa Xiêm ở vùng duyên hải Nam Trung bộ		2021-2025
27	Nghiên cứu chọn tạo và phát triển giống mướp đắng, dưa lưới và dưa chuột thơm cho các tỉnh phía Nam.	TS. Vũ Văn Khuê	2020-2024
<i>Viện Khoa học kỹ thuật Nông lâm nghiệp Tây Nguyên</i>			
28	Nghiên cứu chọn tạo và phát triển giống đậu, giống tầm thích hợp cho vùng Duyên hải Nam trung Bộ và Tây Nguyên	TS. Nguyễn Mậu Tuấn	2019-2023
<i>Viện Thổ nhưỡng nông hóa</i>			
29	Nghiên cứu thực trạng độ phì nhiêu và giải pháp sử dụng hợp lý đất xám bạc màu vùng Đông Nam Bộ	TS. Nguyễn Văn Đạo	2020-2022
30	Nghiên cứu hướng dẫn bón phân cho cây trồng thông qua chẩn đoán lá làm cơ sở bón phân cho cây cam, xoài, chuối		2021-2023
31	Nghiên cứu quy trình sản xuất giá thể mạ khay phù hợp cho cây máy vùng đồng bằng sông Hồng và Bắc Trung Bộ		2021-2022
<i>Viện Khoa học Kỹ thuật Nông nghiệp miền Nam</i>			
32	Nghiên cứu chọn tạo giống điều có năng suất và chất lượng cao cho các tỉnh phía Nam.	TS. Trần Công Khanh	2018-2022
33	Nghiên cứu đánh giá và tuyển chọn giống sắn có khả năng chống chịu bệnh khảm lá	Phạm Thị Nhạn	2020-2024

34	Nghiên cứu chọn tạo một số loại hoa cắt cành có giá trị cao (cúc, cẩm chướng và hoa hồng) phục vụ nội tiêu và xuất khẩu	Tường Thị Lý	2019-2023
<i>Viện Nghiên cứu Bông và Phát triển nông nghiệp Nha Hồ</i>			
35	Nghiên cứu lai tạo giống và biện pháp kỹ thuật canh tác cây hành tím, cây tỏi tại vùng Duyên hải Nam Trung bộ		2021-2025
<i>Viện Khoa học Kỹ thuật Bắc Trung Bộ</i>			
36	Nghiên cứu chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất lúa thường xuyên bị khô hạn tại vùng Bắc Trung Bộ	Trịnh Đức Toàn	2020-2023
37	Nghiên cứu chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất lúa thường xuyên bị khô hạn tại vùng Bắc Trung Bộ	Trịnh Đức Toàn	2020-2022
<i>Viện Cây ăn quả miền Nam</i>			
38	Nghiên cứu chọn tạo giống và quy trình kỹ thuật thâm canh cây mít cho một số vùng chính ở các tỉnh phía Nam	Nguyễn Tuấn Vũ	2020-2024
<i>Viện lúa Đồng bằng sông Cửu Long</i>			
39	Nghiên cứu chọn tạo giống lúa Japonica năng suất, chất lượng cao thích nghi với điều kiện canh tác lúa các tỉnh đồng bằng sông Cửu Long	TS. Trần Đình Giỏi	2020-2024
IV DỰ ÁN SẢN XUẤT THỬ NGHIỆM (MỞ MỚI)			
<i>Viện Nghiên cứu Bông và Phát triển nông nghiệp Nha Hồ</i>			
40	Sản xuất thử nghiệm giống nho NH01-152 tại Ninh Thuận và Bình Thuận	Phạm Văn Phước	2020-2022
<i>Viện Khoa học kỹ thuật Nông lâm nghiệp Miền núi phía bắc</i>			
41	Sản xuất thử giống chè shan LP18 tại một số tỉnh miền núi phía Bắc	TS. Nguyễn Hữu La	2020-2022
<i>Viện Di truyền Nông nghiệp</i>			
42	Hoàn thiện quy trình và phát triển sản xuất giống lúa DT82 tại phía Bắc		2021-2023
43	Hoàn thiện quy trình và phát triển sản xuất theo chuỗi giống lạc ĐMI ứng dụng cơ giới hóa tại phía Bắc		2021-2023
<i>Viện Nghiên cứu Ngô</i>			
44	Hoàn thiện quy trình và phát triển sản xuất hai giống ngô lai GL-777 và LVN226 tại phía Bắc, Đông Nam Bộ, Tây Nguyên		2021-2023
V ĐỀ TÀI TIỀM NĂNG			
<i>Viện Khoa học kỹ thuật Nông lâm nghiệp miền núi phía Bắc</i>			
45	Nghiên cứu quy trình nhân giống cây chè tím (Camellia sinesis) bằng nuôi cấy mô nhằm duy trì và phát triển giống chè quý hiếm	Nguyễn Hồng Chiên	2020-2022
46	Nghiên cứu sử dụng các loài nấm đối kháng để kiểm soát Phytophthora spp. gây bệnh thối rễ, thối gốc trên cây ăn quả có múi ở vùng miền núi phía	Phùng Mạnh Hùng	2020-2022

	Bắc		
Viện Nghiên cứu rau quả			
47	Nghiên cứu biện pháp kỹ thuật điều khiển ra hoa đối với giống hoa địa lan Trần Mộng Xuân (<i>Cymbidium lowianum</i>)	Hà Thị Thanh Nga	2020-2022
48	Nghiên cứu ảnh hưởng của một số giải pháp kỹ thuật canh tác và sau thu hoạch đến thời gian bảo quản quả xoài GL4	Nguyễn Thị Thu Hương	2021-2022
Viện Cây lương thực, Cây thực phẩm			
49	Nghiên cứu phương pháp lai nhiều bố mẹ (MAGIC – Multi-parent advanced generation intercross) phục vụ mục tiêu chọn giống lúa chất lượng cao mang đa gen kháng sâu bệnh, điều kiện bất thuận tại Việt Nam.	Lưu Thị Thủy	2020-2022
Viện Di truyền Nông nghiệp			
50	Nghiên cứu, ứng dụng kỹ thuật chiếu xạ gamma, nguồn Co-60 có hoạt độ 236 Ci, trong tạo nguồn vật liệu khởi đầu cho chọn tạo giống lúa	Đoàn Văn Sơn	2020-2022
51	Nghiên cứu khai thác QTL9 liên quan đến cấu trúc bông để cải thiện năng suất của một số giống lúa chất lượng	TS. Khổng Ngân Giang	2021-2023
Viện Thổ nhưỡng Nông hóa			
52	Nghiên cứu sản xuất thử nghiệm phân bón hữu cơ sinh học giàu axit amin từ phụ phẩm nông nghiệp	Nguyễn Việt Hiệp	2020-2022
53	Nghiên cứu công nghệ sản xuất phân bón hỗn hợp NPK nhà chậm bọc lưu huỳnh theo lớp cho lúa, rau màu	Lê Thị Minh Lương	2020-2022
Viện Nghiên cứu Mía đường			
54	Nghiên cứu cải tiến quy trình thâm canh mía trên địa hình đất dốc tại một số vùng trồng mía ở Tây Nguyên	Phạm Văn Tùng	2020-2022
Viện Khoa học kỹ thuật Nông nghiệp Bắc Trung bộ			
55	Nghiên cứu tạo dòng lạc năng suất và chịu hạn triển vọng	Trần Duy Việt	2020-2022
56	Nghiên cứu tạo dòng vùng chịu hạn, chống chịu bệnh héo rũ vàng, năng suất, chất lượng cao	Lưu Thị Trâm	2021-2023
Viện Cây ăn quả miền Nam			
57	Nghiên cứu chọn tạo một số dòng ớt chi địa cho các tỉnh phía Nam	Huỳnh Thị Phương Liên	2020-2022
Viện Nghiên cứu Bông và Phát triển nông nghiệp Nha Hồ			
58	Nghiên cứu khả năng chống chịu bệnh thán thư của một số giống nho nhập nội.	Nguyễn Văn Chính	2020-2022
59	Nghiên cứu tuyển chọn gốc ghép chịu hạn và bệnh héo xanh vi khuẩn cho cà chua tại Ninh Thuận	Đỗ Thị Huệ	2021-2022
Viện Khoa học Kỹ thuật Nông lâm nghiệp Tây Nguyên			

60	Nghiên cứu tuyển chọn dòng hồ tiêu triển vọng về chất lượng, chịu hạn/chống chịu nấm Phytophthora spp. tại Gia Lai	Dương Thị Oanh	2021-2023
Trung tâm Nghiên cứu Dâu tằm tơ Trung Ương			
61	Nghiên cứu biện pháp quản lý bệnh hại dâu tằm do vi khuẩn tại các tỉnh miền Bắc.	Nguyễn Thúy Hạnh	2020-2022
62	Điều tra, đánh giá tác động của chất thải nhựa trong hoạt động sản xuất nông nghiệp đến môi trường và đề xuất giải pháp kiểm soát ô nhiễm môi trường do chất thải nhựa (lĩnh vực nông nghiệp)		2020-2022
Viện Thổ nhưỡng nông hóa			
63	Nghiên cứu công nghệ sản xuất phân bón hỗn hợp NPK nhà chặm bọc lưu huỳnh theo lớp cho lúa, rau màu	Lê Thị Minh Lương	2020-2022
Viện Nghiên cứu Ngô			
64	Nghiên cứu chọn lọc dòng thuần ngô có hàm lượng protein cao phục vụ chọn giống ngô lai cho các tỉnh phía Bắc.	Lương Thái Hà	2020-2022
65	Nghiên cứu sàng lọc nguồn vật liệu ngô nếp bản địa chất lượng ngon, chống chịu tốt phục vụ công tác tạo giống ngô nếp lai	Nguyễn Văn Trường	2021-2022
Viện Cây ăn quả Miền nam			
66	Nghiên cứu chọn tạo một số dòng ớt chỉ địa cho các tỉnh phía Nam	Huỳnh Thị Phương Liên	2020-2022
67	Nghiên cứu ảnh hưởng của một số giải pháp canh tác giai đoạn cận thu hoạch đến thời gian bảo quản quả thanh long ruột đỏ (LD1) ở các tỉnh phía Nam	TS. Nguyễn Văn Phong	2021-2022
Viện Khoa học Nông nghiệp Việt Nam			
68	Nghiên cứu cơ sở khoa học và thực tiễn của việc ứng dụng kinh tế tuần hoàn để phát triển bền vững hợp tác xã nông nghiệp hiện nay	TS. Hoàng Thanh Tùng	2021-2022
69	Nghiên cứu ứng dụng và phát triển công nghệ SOFIX vào sản xuất nông nghiệp tại Việt Nam	TS. Hoàng Tuyền Phương	2021-2022
70	Nghiên cứu xác định họ gen kháng NBS-LRR và thiết kế chi thị phân tử gen đích phục vụ cải tạo tính chống chịu bệnh hại cho chanh leo	TS. Trần Đức Trung	2021-2023
Viện Bảo vệ thực vật			
71	Nghiên cứu kỹ thuật nhân nuôi số lượng lớn và sử dụng bọ rùa Stethorus sp., nhện N. longispinosus trong quản lý nhện nhỏ hại cây trồng	TS. Lê Thị Tuyết Nhung	2021-2022
Trung tâm Tài nguyên thực vật			
72	Nghiên cứu thăm dò khả năng kháng bệnh héo vàng Fusarium oxysporum (FOC) của một số dòng/giống chuối trong sản xuất	Phí Đình Nam	2021-2023
73	Nghiên cứu tạo dòng đậu xanh năng suất cao cho các tỉnh phía Bắc	Trần Quang Hải	2020-2022

	<i>Viện Khoa học kỹ thuật Nông nghiệp miền Nam</i>		
74	Nghiên cứu chọn tạo giống tự phối khổ qua, dưa leo có tỷ lệ hoa cái cao nhằm phục vụ chọn tạo giống phù hợp với vùng Đông Nam Bộ	TS. Ngô Xuân Chính	2021-2022
VI	QUỸ GEN QUỐC GIA		
	<i>Trung tâm Tài nguyên thực vật</i>		
75	Khai thác và phát triển giống dong riềng đỏ Nguyên Bình và dong giềng đỏ Na Rì có giá trị kinh tế cao cho một số tỉnh phía Bắc nước ta.	Lê Thị Loan	2019-2022
76	Nghiên cứu khai thác và phát triển hai giống bí đỏ Mộc Châu và Quỳnh Lưu cho một số tỉnh phía Bắc	Nguyễn Thị Tâm Phúc	2019-2023
77	Nghiên cứu khai thác và phát triển hai giống bí đỏ Mộc Châu và Quỳnh Lưu cho một số tỉnh phía Bắc	Nguyễn Thị Tâm Phúc	2019-2023
78	Nghiên cứu khai thác và phát triển hai giống dong riềng đỏ Nguyên Bình và Na Rì cho một số tỉnh miền núi phía Bắc	Lê Thị Loan	2019-2022
79	Sản xuất thử nghiệm giống lúa màu đặc sản Bát (Cu Đỏ) và Khâu Cầm xặng tại một số tỉnh Bắc Trung Bộ	TS. Hoàng Thị Huệ	2019-2022
80	Nghiên cứu đánh giá tiềm năng di truyền và phát triển bền vững nguồn gen sản địa phương Việt Nam	Đàm Thị Thu Hà	2021-2025
	<i>Viện Thổ nhưỡng Nông hóa</i>		
81	Nghiên cứu khai thác và phát triển nguồn gen vi sinh vật trong sản xuất chế phẩm vi sinh phòng chống một số bệnh hại cây trồng	Lê Thị Thanh Thủy	2019-2022
82	Nghiên cứu khai thác và phát triển nguồn gen vi sinh vật trong sản xuất chế phẩm vi sinh phòng chống một số bệnh hại cây trồng.	Lê Thị Thanh Thủy	2019-2023
	<i>Viện Khoa học kỹ thuật Nông nghiệp Bắc Trung bộ</i>		
83	Nghiên cứu khai thác và phát triển nguồn gen xoài Tương Dương và hồng bản địa theo hướng sản xuất hóa tại Nghệ An	Phạm Duy Trình	2019-2023
84	Sản xuất thử giống cam Xã Đoài tại Nghệ An	Lê Văn Trường	2019-2023
	<i>Viện Nghiên cứu Rau quả</i>		
85	Sản xuất thử giống cam Vân Du tại Thanh Hóa	Nguyễn Văn Dũng	2019-2022
86	Sản xuất thử nghiệm 02 giống hoa lan kiểng Thanh Ngọc và Hoàng Vũ tại một số tỉnh phía Bắc	PGS.TS. Đặng Văn Đông	2019-2022
VII	DỰ ÁN VIỆN TRỢ CHÍNH THỨC ODA		
	<i>Viện Khoa học Nông nghiệp Việt Nam</i>		
87	Hỗ trợ cơ sở sơ chế và bảo quản nông sản tại Việt Nam (do Hàn Quốc tài trợ qua KRC)	PGS.TS. Đào Thế Anh	2019-2022
VII	DỰ ÁN VIỆN TRỢ PHI CHÍNH THỨC		
	<i>Viện Khoa học Nông nghiệp Việt Nam</i>		

88	Dự án Hợp tác Việt Nam - Cuba phát triển sản xuất lúa gạo tại Cuba giai đoạn 2019 – 2023.	GS.TS. Nguyễn Hồng Sơn	2019-2023
89	Hợp tác Nam Nam nhằm nhân rộng các sáng kiến chuỗi giá trị thích ứng với biến đổi khí hậu - SSCVC (do IFAD tài trợ)	PGS.TS. Đào Thế Anh	2019-2022
	<i>Viện Thổ nhưỡng Nông hóa</i>		
90	Đánh giá ảnh hưởng của phân POLY4 đến sinh trưởng và năng suất cây mía trên các vùng sinh thái nông nghiệp khác nhau tại Việt Nam.	Nguyễn Duy Phương	2019-2022
	<i>Viện Bảo vệ thực vật</i>		
91	Đánh giá tác động của thức ăn và học môn sinh sản đến sự thành thực sinh dục của ruồi bắt dục <i>Bactrocera correcta</i>	Vũ Thị Thùy Trang	2019-2023
	<i>Trung tâm Tài nguyên thực vật</i>		
92	Mô tả và đánh giá tài nguyên di truyền thực vật phục vụ mục tiêu lương thực và nông nghiệp	TS. Trần Danh Sửu	2019-2023
	<i>Viện nghiên cứu Rau quả</i>		
93	Phát triển các giống rau ở Châu Á (AFACI)	TS. Ngô Thị Hạnh	2020-2022
	<i>Trung tâm Dâu tằm tơ Trung ương</i>		
94	Phát triển nông thôn mới thông qua xây dựng mô hình làng trồng dâu nuôi tằm có giá trị gia tăng cao tại tỉnh Yên Bái (Tổng Cục phát triển Nông thôn Hàn Quốc RDA)	Lê Hồng Vân	2020-2022
VIII	ĐỀ TÀI ĐỘC LẬP CẤP NHÀ NƯỚC		
	<i>Viện Bảo vệ thực vật</i>		
95	“Nghiên cứu phát triển công nghệ tách chiết hoạt chất sinh học để sản xuất thuốc bảo vệ thực vật phục vụ nông nghiệp an toàn” Mã số: ĐTDL.CN-54/19	TS. Đào Bách Khoa	2019-2022
	<i>Viện Khoa học Nông nghiệp Việt Nam</i>		
96	Nghiên cứu chọn tạo và phát triển bền vững một số cây ăn quả ôn đới có lợi thế tại vùng miền núi phía Bắc	PGS. TS Đào Thế Anh	2019-2023
	<i>Viện Di truyền Nông nghiệp</i>		
97	Nghiên cứu sản xuất và ứng dụng một số chế phẩm vi sinh để phòng trừ bệnh vàng lá, thối rễ trên cây có múi và bệnh thán thư trên cây xoài tại Hậu Giang và một số tỉnh ĐBSCL	TS. Phạm Thị Lý Thu	2020-2023
	<i>Viện Nghiên cứu và phát triển Bông Nha hồ</i>		
98	Nghiên cứu quản lý tổng hợp ruồi đục quả và một số sâu bệnh hại chính trên cây táo tại Ninh Thuận và một số tỉnh Nam Trung bộ	TS. Mai Văn Hào	2020-2022
	<i>Viện Bảo vệ thực vật</i>		

99	Nghiên cứu phát triển công nghệ tách chiết hoạt chất sinh học để sản xuất sinh học để sản xuất thuốc bảo vệ thực vật phục vụ nông nghiệp an toàn	TS. Đào Bách Khoa	2020-2023
100	"Nghiên cứu phát triển công nghệ tách chiết hoạt chất sinh học để sản xuất thuốc bảo vệ thực vật phục vụ nông nghiệp an toàn" Mã số: ĐTDL.CN-54/19	TS. Đào Bách Khoa	2019-2022

**PHỤ LỤC 3: DANH MỤC CÁC CÁN BỘ KHOA HỌC CÓ THỂ TIẾP NHẬN
NGHIÊN CỨU SINH, SỐ LƯỢNG NGHIÊN CỨU SINH CÓ THỂ TIẾP NHẬN
THEO TỪNG HƯỚNG NGHIÊN CỨU/LĨNH VỰC NGHIÊN CỨU (BAO GỒM CẢ
HƯỚNG DẪN CHÍNH VÀ HƯỚNG DẪN PHỤ)**

TT	Họ và tên cán bộ khoa học	Chức danh KH, Năm công nhận	Học vị, Năm công nhận	Ngành, Chuyên ngành được đào tạo (Tính theo văn bằng trình độ cao nhất)	Lĩnh vực chuyên môn sâu	Số lượng NCS tiếp nhận (HD 1 hay HD 2)
1	Đào Thế Anh	Phó giáo sư 2019	Tiến sĩ	Khoa học cây trồng	Hệ thống nông nghiệp	
2	Hồ Huy Cường	Phó giáo sư 2016	Tiến sĩ	Khoa học cây trồng	Cây lương thực, Cây công nghiệp	
3	Đặng Văn Đông	Phó giáo sư 2015	Tiến sĩ	Khoa học cây trồng	Cây hoa	
4	Nguyễn Văn Toàn	Phó giáo sư 2015	Tiến sĩ	Khoa học cây trồng	Cây công nghiệp	
5	Lê Khả Tường	Phó giáo sư 2015	Tiến sĩ	Khoa học cây trồng	Bảo tồn, đánh giá và sử dụng nguồn gen	
6	Trịnh Khắc Quang	Phó giáo sư 2013	Tiến sĩ	Khoa học cây trồng	Cây rau, cây lấy củ, hoa	
7	Trần Thị Trường	Phó giáo sư 2017	Tiến sĩ	Khoa học cây trồng	Cây lấy hạt trên cạn	
8	Đào Minh Sô		Tiến sĩ	Khoa học cây trồng	Khoa học cây trồng	
9	Vũ Việt Hưng		Tiến sĩ	Khoa học cây trồng	Khoa học cây trồng	
10	Đặng Văn Thư		Tiến sĩ	Khoa học cây trồng	Cây công nghiệp	
11	Bùi Quang Đăng		Tiến sĩ	Khoa học cây trồng	Cây ăn quả	

12	Cao Anh Dương		Tiến sĩ	Khoa học cây trồng	Khoa học cây trồng
13	Nguyễn Hữu La		Tiến sĩ	Khoa học cây trồng	Khoa học cây trồng
14	Nguyễn Ngọc Quát		Tiến sĩ	Khoa học cây trồng	Lạc, đậu đỗ
15	Nguyễn Thị Quỳnh Thuận		Tiến sĩ	Khoa học cây trồng	Nông học
16	Lưu Ngọc Quyên		Tiến sĩ	Khoa học cây trồng	Canh tác bền vững, cây công nghiệp
17	Phạm Hùng Cường		Tiến sĩ	Khoa học cây trồng	Khoa học cây trồng
18	Trần Công Khanh		Tiến sĩ	Khoa học cây trồng	Nông học
19	Phan Thanh Hải		Tiến sĩ	Khoa học cây trồng	Khoa học cây trồng
20	Phạm Văn Dân		Tiến sĩ	Khoa học cây trồng	Cây lúa
21	Phạm Văn Linh		Tiến sĩ	Khoa học cây trồng	Khoa học cây trồng
22	Nguyễn Đăng Minh Chánh		Tiến sĩ	Khoa học cây trồng	Khoa học cây trồng
23	Nguyễn Văn Dũng		Tiến sĩ	Khoa học cây trồng	Cây ăn quả
24	Vũ Linh Chi		Tiến sĩ	Khoa học cây trồng	Khoa học cây trồng
25	Dương Thị Hồng Mai		Tiến sĩ	Khoa học cây trồng	Khoa học cây trồng
26	Phạm Quang Hà	Phó giáo sư 2007	Tiến sĩ	Khoa học đất	Tính chất đất, môi trường đất
27	Trịnh Công Tư	Phó giáo sư 2015	Tiến sĩ	Khoa học đất	Đất, dinh dưỡng cây trồng
28	Mai Văn Trịnh	Phó giáo sư 2014	Tiến sĩ	Khoa học đất	Tính chất đất, môi trường đất
29	Trần Minh Tiến	Phó giáo sư 2019	Tiến sĩ	Khoa học đất	Đánh giá đất nâng cao
30	Nguyễn Duy Phương		Tiến sĩ	Khoa học đất	Đất, dinh dưỡng cây trồng
31	Nguyễn Quang Chon		Tiến sĩ	Khoa học đất	Đất, dinh dưỡng cây trồng
32	Nguyễn Quang Hải		Tiến sĩ	Khoa học đất	Đất, dinh dưỡng cây trồng
33	Đào Huy Đức		Tiến sĩ	Khoa học đất	Đất, dinh dưỡng

			sĩ		cây trồng
34	Nguyễn Thanh Linh		Tiến sĩ	Khoa học đất	Đất, dinh dưỡng cây trồng
35	Vũ Mạnh Quyết		Tiến sĩ	Khoa học đất	Đất, dinh dưỡng cây trồng
36	Nguyễn Văn Dao		Tiến sĩ	Khoa học đất	Đất, dinh dưỡng cây trồng
37	Cao Kỳ Sơn		Tiến sĩ	Khoa học đất	Đất, dinh dưỡng cây trồng
38	Vũ Tiên Khang		Tiến sĩ	Khoa học đất	Đất, dinh dưỡng cây trồng
39	Đỗ Duy Phái		Tiến sĩ	Khoa học đất	Đất, dinh dưỡng cây trồng
40	Phạm Ngọc Tuấn		Tiến sĩ	Khoa học đất	Đất, dinh dưỡng cây trồng
41	Trần Thị Ngọc Sơn		Tiến sĩ	Khoa học đất	Đất, dinh dưỡng cây trồng
42	Nguyễn Hồng Sơn	Giáo sư 2015	Tiến sĩ	Bảo vệ thực vật	Côn trùng, Quản lý cây trồng tổng hợp
43	Nguyễn Văn Tuất	Giáo sư 2013	Tiến sĩ	Bảo vệ thực vật	Bệnh hại cây trồng nâng cao, Quản lý dịch hại tổng hợp
44	Đặng Thị Phương Lan		Tiến sĩ	Bảo vệ thực vật	Bệnh hại cây trồng
45	Ngô Lực Tự Cường		Tiến sĩ	Bảo vệ thực vật	Bệnh hại cây trồng
46	Lê Thị Tuyết Nhung		Tiến sĩ	Bảo vệ thực vật	Bệnh hại cây trồng
47	Đào Thị Hằng		Tiến sĩ	Bảo vệ thực vật	Bệnh hại cây trồng
48	Hà Minh Thanh		Tiến sĩ	Bảo vệ thực vật	Bệnh hại cây trồng
49	Đào Bách Khoa		Tiến sĩ	Bảo vệ thực vật	Bệnh hại cây trồng
50	Phạm Ngọc Dung		Tiến sĩ	Bảo vệ thực vật	Bệnh hại cây trồng
51	Trịnh Xuân Hoạt		Tiến sĩ	Bảo vệ thực vật	Công nghệ sinh học trong phòng chống bệnh hại, Chẩn đoán bệnh
52	Nguyễn Huy Chung		Tiến sĩ	Bảo vệ thực vật	Bệnh hại cây trồng
53	Lê Mai Nhất		Tiến sĩ	Bảo vệ thực vật	Bệnh hại cây trồng
54	Nguyễn Thị Thủy		Tiến sĩ	Bảo vệ thực vật	Côn trùng hại cây trồng

55	Phạm Hồng Hiến		Tiến sĩ	Bảo vệ thực vật	Bệnh hại cây trồng	
56	Nguyễn Văn Hòa		Tiến sĩ	Bảo vệ thực vật	Bệnh hại cây trồng	
57	Nguyễn Văn Liêm		Tiến sĩ	Bảo vệ thực vật	Côn trùng, Quản lý côn trùng hại cây trồng	
58	Phạm Văn Nhạ		Tiến sĩ	Bảo vệ thực vật	Bệnh hại cây trồng	
59	Nguyễn Văn Dũng		Tiến sĩ	Bảo vệ thực vật	Bệnh hại cây trồng	
60	Mai Văn Hào		Tiến sĩ	Bảo vệ thực vật	Bệnh hại cây trồng	
61	Phan Công Kiên		Tiến sĩ	Bảo vệ thực vật	Bệnh hại cây trồng	
62	Lê Phúc Điền		Tiến sĩ	Bảo vệ thực vật	Bệnh hại cây trồng	
63	Hồ Lệ Thi		Tiến sĩ	Bảo vệ thực vật	Bệnh hại cây trồng	
64	Lê Huy Hàm	Giáo sư 2015	Tiến sĩ	Công nghệ sinh học	Chọn giống, Công nghệ sinh học	
65	Phạm Văn Toàn	Giáo sư 2017	Tiến sĩ	Công nghệ sinh học	Công nghệ vi sinh, phân bón	
66	Phạm Xuân Hội	Giáo sư 2019	Tiến sĩ	Công nghệ sinh học	Công nghệ sinh học trong bệnh cây, Chọn giống kháng	
67	Trần Đăng Khánh	Phó giáo sư	Tiến sĩ	Công nghệ sinh học		
68	Hà Thị Thuý	Phó giáo sư 2014	Tiến sĩ	Công nghệ sinh học		
69	Trần Ngọc Hùng	Phó giáo sư	Tiến sĩ	Công nghệ sinh học		
70	Nguyễn Văn Đồng	Phó giáo sư 2015	Tiến sĩ	Công nghệ sinh học	Công nghệ gen, tế bào thực vật	
71	Hoàng Thị Lệ Hằng	Phó giáo sư 2017	Tiến sĩ	Công nghệ sinh học		
72	Khuất Hữu Trung	Phó giáo sư 2017	Tiến sĩ	Công nghệ sinh học		
73	Lê Hùng Linh	Phó giáo sư	Tiến sĩ	Công nghệ sinh học	Chọn giống phân tử, Công nghệ	

		2017			gen
74	Chung Anh Dũng		Tiến sĩ	Động vật	Chăn nuôi động vật
76	Trần Đức Trung		Tiến sĩ	Công nghệ sinh học	Công nghệ sinh học
77	Nguyễn Thị Ngọc Trúc		Tiến sĩ	Công nghệ sinh học	Sinh học phân tử
78	Vũ Đăng Toàn		Tiến sĩ	Công nghệ sinh học	Sinh học phân tử
79	Đào Văn Thông		Tiến sĩ	Công nghệ sinh học	Công nghệ sinh học
80	Phạm Bích Hiên		Tiến sĩ	Công nghệ sinh học	Công nghệ vi sinh
81	Nguyễn Thị Tuyết		Tiến sĩ	Công nghệ sinh học	Nuôi cấy mô, tế bào tuyến trùng
82	Nguyễn Thị Thanh Nga		Tiến sĩ	Công nghệ sinh học	Công nghệ sinh học
83	Lương Hữu Thành		Tiến sĩ	Công nghệ sinh học	Công nghệ sinh học
84	Phạm Thị Lý Thu		Tiến sĩ	Công nghệ sinh học	Sinh lý thực vật, Công nghệ tế bào
85	Nguyễn Xuân Thăng		Tiến sĩ	Công nghệ sinh học	Công nghệ gen, chọn giống phân tử
86	Trần Thị Thu Hoài		Tiến sĩ	Công nghệ sinh học	Công nghệ sinh học
87	Mai Đức Chung		Tiến sĩ	Công nghệ sinh học	Công nghệ sinh học
88	Nguyễn Thành Đức		Tiến sĩ	Công nghệ sinh học	Công nghệ sinh học
89	Khổng Ngân Giang		Tiến sĩ	Công nghệ sinh học	Công nghệ sinh học
90	Nguyễn Thu Hà		Tiến sĩ	Công nghệ sinh học	Công nghệ sinh học
91	Trần Ngọc Thạch		Tiến sĩ	Công nghệ sinh học	Công nghệ gen, chọn giống phân tử
92	Nguyễn Quốc Hùng	Phó giáo sư 2016	Tiến sĩ	Di truyền & CGCT	Cây ăn quả
93	Lã Tuấn Nghĩa	Phó giáo sư 2013	Tiến sĩ	Di truyền & CGCT	
93	Lưu Minh Cúc	Phó giáo sư 2017	Tiến sĩ	Di truyền & CGCT	Công nghệ sinh học trong chọn giống cây trồng
95	Đặng Trọng Lương	Phó giáo sư	Tiến sĩ	Di truyền & CGCT	Chọn giống phân tử

		2013			
86	Tạ Hồng Linh		Tiến sĩ	Di truyền & CGCT	Cây lúa
97	Trần Thanh Hùng		Tiến sĩ	Di truyền & CGCT	Cây lương thực
98	Trần Ngọc Hùng		Tiến sĩ	Di truyền & CGCT	Cây rau màu, Công nghệ sinh học trong chọn giống cây trồng
99	Hoàng Thị Lan Hương		Tiến sĩ	Di truyền & CGCT	
100	Ngô Thị Hạnh		Tiến sĩ	Di truyền & CGCT	Cây rau màu
101	Huỳnh Văn Nghiệp		Tiến sĩ	Di truyền & CGCT	Cây lúa
102	Nguyễn Thủy Kiều Tiên		Tiến sĩ	Di truyền & CGCT	Cây lúa
103	Nguyễn Trọng Khanh		Tiến sĩ	Di truyền & CGCT	Cây lương thực
104	Lê Đức Thảo		Tiến sĩ	Di truyền & CGCT	Cây lương thực, Cây hoa
105	Nguyễn Thế Yên		Tiến sĩ	Di truyền & CGCT	Cây lương thực
106	Nguyễn Thị Hồng Lam		Tiến sĩ	Di truyền & CGCT	Cây công nghiệp
107	Nguyễn Thị Minh Phương		Tiến sĩ	Di truyền & CGCT	Cây công nghiệp
108	Châu Ngọc Lý		Tiến sĩ	Di truyền & CGCT	Cây ngô
109	Đặng Ngọc Hạ		Tiến sĩ	Di truyền & CGCT	Cây lấy hạt trên cạn
110	Vương Huy Minh		Tiến sĩ	Di truyền & CGCT	Cây ngô
111	Nguyễn Thị Nhài		Tiến sĩ	Di truyền & CGCT	Cây ngô
112	Dương Kim Thoa		Tiến sĩ	Di truyền & CGCT	Cây rau màu
113	Dương Xuân Tú		Tiến sĩ	Di truyền & CGCT	Cây rau màu
114	Võ Thị Minh Tuyền		Tiến sĩ	Di truyền & CGCT	Cây lương thực
115	Đông Thị Kim Cúc		Tiến sĩ	Di truyền & CGCT	Cây ngô
116	Hoàng Thị Huệ		Tiến sĩ	Di truyền & CGCT	Cây ngô
117	Đỗ Văn Dũng		Tiến sĩ	Di truyền & CGCT	Cây ngô
118	Hoàng Thị Nga		Tiến sĩ	Di truyền &	Cây ngô

			sĩ	CGCT		
119	Đặng Minh Tâm		Tiến sĩ	Di truyền & CGCT	Chọn giống cây trồng	
120	Phạm Mỹ Linh		Tiến sĩ	Di truyền & CGCT	Cây rau màu	
121	Bùi Thanh Liêm		Tiến sĩ	Di truyền & CGCT	Chọn giống cây trồng	
122	Hà Văn Nhân		Tiến sĩ	Di truyền & CGCT	Cây lúa	
123	Vũ Văn Chè		Tiến sĩ	Di truyền & CGCT	Chọn giống cây trồng	
124	Ngô Thị Minh Tâm		Tiến sĩ	Di truyền & CGCT	Cây ngô	